

NGHIỆP TỪ Đâu MÀ RA

Vừa qua Ban Đại Diện Phật giáo Quận 8 có mời chúng tôi về đây nói chuyện đạo lý với Tăng, Ni và Phật tử. Vì thế, nhân dịp về thăm chúng tôi nói lại những điều cần yếu trên đường tu cho tất cả quý vị lãnh hội và ứng dụng tu trong mùa an cư này cũng như mãi về sau.

Tất cả chúng ta tu, nhất là hàng Tăng, Ni xuất gia ai ai cũng nói rõ ràng tu để cầu giải thoát sanh tử. Bấy giờ tôi đặt câu hỏi lại, chúng ta giải thoát sanh tử nhưng cái gì dẫn chúng ta đi vào con đường sanh tử, đây là một vấn đề rất then chốt. Nếu chúng ta cầu giải thoát sanh tử mà không biết cái gì lôi dẫn mình đi trong sanh tử thì làm sao giải thoát được. Cho nên trước hết chúng ta phải nghiền ngẫm xem cái gì dẫn chúng ta, cái gì trói buộc chúng ta phải trôi lăn trong dòng sanh tử.

Sở dĩ chúng ta bị sanh tử là do nghiệp dẫn. Trong kinh Phật dạy: "Do nghiệp lôi dẫn chúng sinh đi trong sanh tử luân hồi". Nhưng nghiệp từ đâu mà có? Trong kinh đức Phật dạy: Nghiệp xuất phát từ thân, khẩu và ý, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Như vậy sức mạnh lôi cuốn chúng ta đi trong sanh tử là nghiệp mà nghiệp lại xuất phát từ thân, khẩu, ý của mình, đó là cái căn bản, cho nên chúng ta tu là phải chuyển nghiệp hay dứt nghiệp thì mới có thể dừng sanh tử được.

Chúng tôi thường nói, người tu nếu chưa giải thoát thì phải chuyển nghiệp. Từ nghiệp ác lẽ ra phải đọa trong ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chúng ta chuyển thành nghiệp thiện để sanh trong ba cõi lành là cõi người, a tu la và cõi trời. Như vậy biết chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt sanh cõi lành, đó gọi là tu chuyển nghiệp. Và nếu muốn dứt luân hồi sanh tử thì chúng ta phải dứt nghiệp, vì còn nghiệp dù nghiệp lành cũng là sanh trong cõi lành, không phải dứt sanh tử. Vậy chúng ta phải làm sao để chuyển hóa nghiệp của mình, làm sao để tiêu diệt nghiệp của mình. Điều này thật quan trọng.

Nói ba nghiệp thân, khẩu, ý nhưng thực tình trọng tâm nằm ở ý. Ý nghĩ lành, thân làm lành, miệng nói lành. Ý nghĩ dữ, miệng nói dữ, thân làm dữ. Tuy nói ba nghiệp nhưng gốc từ ý. Ý nghiệp là căn bản, là nhân cho hai nghiệp kia hoặc tốt, hoặc xấu. Nên chúng ta tu muốn dứt sanh tử thì phải dừng ý nghiệp. Ý nghiệp dừng thì sanh tử mới dứt.

Vì vậy người tu Tịnh độ phải niệm Phật nhất tâm, nhất tâm thì ý nghiệp lặng lẽ mới được sanh về Tây phương, mới thoát ly sanh tử. Nếu tu chưa nhất tâm thì chưa thể thoát ly được. Quý vị nhớ trong kinh Di Đà đức Phật dạy rất rõ: Người niệm Phật hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn thì khi lâm chung người đó được

Phật và Thánh chúng hiện ở trước. Rõ ràng khi chúng ta được nhất tâm tức ý nghiệp đã thanh tịnh, không còn nghiệp nữa thì được vãng sanh về cõi Phật.

Người tu theo thiền Nguyên thủy thì quán Tứ niệm xứ. Trong kinh A-hàm dạy: "Người nào từ một ngày cho tới bảy ngày trụ tâm nơi Tứ niệm xứ không có di chuyển (tức là không có dời đổi) thì được nhập Niết-bàn, chứng A-la-hán. Chẳng những bảy ngày mà sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, một ngày nếu trụ tâm nơi Tứ niệm xứ không di chuyển, người đó cũng chứng từ A NA-hàm trở xuống".

Như vậy chúng ta thấy tu Tịnh độ hay tu Thiền đều phải dừng lặng ý nghiệp. Ý nghiệp dừng lặng rồi thì chúng ta được sanh về Tịnh độ, được chứng quả A-la-hán, nhập Niết-bàn v. v... Do đó trọng tâm là phải dừng ý nghiệp, ý nghiệp dừng rồi thì chúng ta mới giải thoát sinh tử được. Đó là chúng tôi dẫn tổng quát để quý vị nhận rõ đường lối tu của mình.

Song, hôm nay được quý Thầy yêu cầu giảng về Thiền nên chúng tôi nói về Thiền, đặc biệt là Thiền tông của Việt Nam. Nếu xét về Thiền tông Việt Nam từ khi Việt Nam bắt đầu có Phật giáo, kể từ ngài Khương Tăng Hội trở về sau, tất cả chư Sư đều là Thiền sư, đều tu Thiền.

Ngài Khương Tăng Hội giải thích Thiền theo Lục Diệu Pháp Môn là số tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Ngài lại giảng Lục ba la mật, trong đó có Thiền ba la mật cho chúng ta thấy Thiền của Phật giáo và ứng dụng tu. Từ ngài Khương Tăng Hội về sau, các Thiền sư từ Trung Hoa, Ấn Độ sang Việt Nam truyền bá thiền.

Ngài Khương Tăng Hội có mặt ở Việt Nam vào thế kỷ thứ III, mãi đến thế kỷ thứ XIX, ngài Liễu Quán ở Huế là một Thiền sư đặc đạo. Như vậy chúng ta thấy rõ từ thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ XIX Phật giáo chúng ta là Phật giáo tu Thiền. Bắt đầu thế kỷ thứ XIX cho đến thế kỷ XX thì chư Tăng, chư Ni đa số tu Tịnh độ.

Thế nên, nói về Thiền tức là nói tới cái gốc của Phật giáo Việt Nam, đó là trên phương diện lịch sử. Nếu nói cụ thể hơn, tất cả quý Hòa thượng cũng như chư Thượng tọa chúng ta ngày nay đang tu Tịnh độ, nhưng xét kỹ nguồn gốc thì các Ngài đều có hệ phái Thiền hết. Hoặc là hệ phái Liễu Quán hay hệ phái của các vị khác như hệ lầy chữ Minh Như Hồng Nhật Lệ Trung Thiên... Đó là theo bài kệ của các Thiền sư.

Còn các vị đã quá cổ khi tịch đều ghi hoặc là đời thứ 40, 42, 43, ai cũng đều Từ Lâm Tế chánh tông hết. Từ Lâm Tế có nghĩa là kế thừa dòng Lâm Tế, nhưng giả sử có ai hỏi: Thừa Thầy, Lâm Tế là ai, Ngài tu hành ra sao thì chắc có vị không biết. Đó là

điều tôi cho rằng rất đáng buồn. Tại sao đã thừa nhận mình kế thừa tổ Lâm Tế hoặc tổ Tào Động v. v... mà lại không biết các Ngài tu pháp gì, thì làm sao kế thừa? Như vậy nghĩa là không nắm vững nguồn gốc, cội rễ đường lối mình đang tu.

Khi xưa tôi xuất gia, có phước nên sớm vào Phật học đường. Khi học chúng tôi bản khoán, tại sao tất cả kinh Phật, chỉ có một ít bộ như kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ v. v... là nói về Tịnh độ, còn hầu hết như bốn bộ A-hàm đều nói về Thiền. Kế nữa, các vị Tổ ở Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam cũng đều tu Thiền mà ngày nay chúng ta không biết gì về Thiền.

Thậm chí có chùa các Thầy nghe nói tu Thiền, liền bảo: "Coi chừng tu Thiền điên". Tôi ngạc nhiên ghê lắm, bởi vì nếu tu Thiền điên thì đức Phật đã điên mất rồi và chư Tổ cũng điên hết. Nhưng các Ngài không điên, tại sao bây giờ mình tu Thiền điên? Phải trả lời được câu đó.

Cho nên tôi ôm ấp, tôi tìm kiếm xem tại sao chúng ta lại như vậy. Khi tìm kiếm được rồi, tôi chỉ trả lời một câu gọn rằng: "Không phải tu Thiền điên, chỉ không biết tu Thiền nên tu Thiền mới điên". Người không học Thiền mà tu đại, nghe ai chỉ đâu đâu cũng bắt chước tu thành điên rồi đổ thừa tu Thiền điên. Nếu thật tu Thiền điên thì chắc tôi cũng điên mất rồi. Nhưng tới bây giờ tôi vẫn chưa điên thì không phải tu Thiền điên. Đó là một điều hết sức nguy hiểm.

Đức Phật tu Thiền ngộ đạo dưới cội Bồ đề không ai không biết, các ngài Mục Kiền Liên, ngài Xá Lợi Phất v. v... các vị đại đệ tử Phật khi xưa, một ngàn hai trăm năm mươi vị thường theo Phật cũng tu Thiền mà chứng quả A-la-hán. Cho đến chư Ni, như hệ của bà Di mẫu năm trăm vị, khi nghe Phật sắp Niết-bàn, liền rủ tới xin Phật nhập Niết-bàn trước. Được Phật cho phép, năm trăm bà liền tụ hội lại một chỗ mà nhập Niết-bàn. Các vị ấy cũng đã tu Thiền, chứng đạo quả, sanh tử tự tại. Bao nhiêu đó đủ cho chúng ta thấy thời Phật, đệ tử Phật đều tu Thiền.

Và sau đó từ tổ Ca Diếp truyền thừa tới Tổ thứ hai mươi tám là Bồ Đề Đạt Ma, sang Trung Hoa đến Tổ thứ sáu là Lục tổ Huệ Năng cũng đều tu Thiền luôn. Như vậy Phật tu Thiền, Tổ tu Thiền nhưng chúng ta lại không biết tu Thiền. Chẳng những không biết mà còn chống đối lại nữa chứ. Như vậy vô tình mình đã mất gốc rồi.

Từ khi đọc các bộ kinh hệ A-hàm, các bộ kinh Pali do Hòa thượng Minh Châu dịch, tôi đối chiếu, khảo sát, so sánh lại theo đường lối tu Nguyên thủy. Qua các bộ kinh Đại thừa như kinh Viên Giác, kinh Lăng Nghiêm v. v... tôi đọc rất kỹ cũng thấy nói về tu Thiền, cho đến bộ kinh Pháp Hoa mọi người hay trì

tụng cũng dạy tu Thiền. Vậy mà chúng ta không biết tu Thiền. Nếu không biết tu Thiền thì làm sao lãnh hội được ý chỉ các kinh đó.

Như trong kinh Pháp Hoa phẩm Tùng Địa Dũng Xuất kể rằng: Các vị Bồ-tát từ xa đến thừa Phật: "Bạch Thế Tôn, xin chứng minh cho chúng con sẽ truyền bá, hộ trì kinh Pháp Hoa ở cõi này". Phật lắc đầu nói không được. Vì các Ngài là những vị Bồ-tát ở tha phương nên Phật không hứa thuận. Bỗng dưng sau đó quả đất rung động nứt nẻ ra, các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên vô số, đi nhiễu quanh Phật xin Phật hộ trì kinh Pháp Hoa cõi này, bấy giờ Phật mới chấp nhận.

Khi xưa đọc tới chỗ này tôi ngỡ ngẩn, sao lạ vậy? Một, vì sao quá nhiều Bồ-tát từ đất vọt lên. Lâu nay chúng ta hay nghe nói dưới lòng đất là địa ngục, chẳng lẽ Bồ-tát dưới địa ngục lên sao? Hai, chẳng lẽ đức Phật có cái nhìn địa phương? Bồ-tát ở đây xin thì cho, Bồ-tát nơi khác xin không cho. Nên đọc kinh Pháp Hoa tôi thấy rất khó hiểu.

Đến khi nghiên cứu tu Thiền, lãnh hội được yếu chỉ rồi, đọc lại đến đây tôi cười, thật là chúng ta bị lừa. Vì kinh Pháp Hoa hầu hết là ẩn dụ mà mình tưởng thật. Bồ-tát từ phương khác đến là hữu tình giác, mà cái giác từ bên ngoài đến là hữu sư trí. Trí ở ngoài, trí nhờ người khác mà có, không phải thật của mình. Kinh Pháp Hoa dụ cho Tri kiến Phật là cái thấy biết của chính mình, nên ở ngoài đến làm sao bảo vệ được. Vì vậy Phật từ chối.

Chư Bồ-tát dưới lòng đất vọt lên đông vô số, xin hộ trì được Phật chấp nhận. Bồ-tát dưới lòng đất tức là chỉ cho trong thân tứ đại này có tánh giác lưu xuất, đó mới chính thật của mình, gọi là vô sư trí. Hữu sư trí là trí còn nhờ bên ngoài, nó thuộc về sanh diệt. Vô sư trí từ ở trong phát ra đó là trí bất sanh, bất diệt mới bảo hộ được Tri kiến Phật của chính mình.

Trong nhà Phật nói rất nhiều về vô sư trí, hữu sư trí nhưng chúng ta không hiểu. Khi mới vào đạo phải học ba huệ học: văn huệ, tư huệ, tu huệ, gọi tắt là văn, tư, tu. Văn là học với người khác, với bậc Thầy, nghe Thầy giảng dạy chúng ta hiểu rồi mở mang trí tuệ. Trí tuệ đó là văn huệ. Tư là suy gẫm lời Phật Tổ dạy cho chín chắn, xét nét kỹ càng thấy đúng liền ứng dụng tu, gọi đó là tu.

Như vậy tam huệ học thuộc về hữu sư trí. Còn ba môn giải thoát là giới, định, tuệ, thuộc về vô sư trí. Nhân giới tu Thiền định. Thiền định thì đâu có học với ai, chỉ lóng lạng tâm tư cho thanh tịnh rồi trí tuệ phát ra nên gọi là vô sư trí. Tam huệ học chưa phải là giải thoát, giải thoát là tam vô lậu học nên còn gọi là tam giải thoát môn, tức là giới định tuệ. Tuệ đó là tuệ giải thoát, nó thuộc về vô sư trí, từ định mà có.

Trí tuệ Phật nói trong kinh Pháp Hoa là trí tuệ của chính mình mới bảo vệ được tri kiến của mình, trí tuệ đó do định phát ra. Vậy có phải Phật dạy chúng ta tu Thiền định không? Muốn được trí tuệ vô sanh thì phải tu Thiền định. Nếu chúng ta xét thật kỹ, thấy cho tường tận thì chúng ta mới không nghi ngờ, không thấy khó hiểu.

Chính tôi ngày xưa học kinh Đại thừa, có lần tôi than rằng kinh Đại thừa chỉ để trên trang thờ chứ không có ứng dụng gì được hết. Nhưng khi tu, hiểu được kinh Đại thừa mới thấy hay đáo để, một bộ kinh có thể thấu suốt hết.

Như kinh A-hàm hỏi vô minh là gì, chúng ta định nghĩa thế nào? Vô minh có nghĩa là thấy biết không đúng như thật. Ngược lại, minh là gì? Là thấy biết đúng như thật. Thấy sự vật, thấy con người, thấy vũ trụ đúng như thật. Chúng ta ngày nay có thấy đúng như thật không? Thấy toàn là sai lầm, không đúng như thật.

Như nói về thân thì chúng ta luôn thấy thân này là quý, là sạch sẽ, tốt đẹp hay là ô uế, bất tịnh? Kinh dạy thì ô uế bất tịnh nhưng nếu có ai chê: "Thầy ăn mặc hôi hám quá", chúng ta giận không? Minh hỏi hám là sự thật, mà nói hôi hám là giận. Người tu còn thể huống nữa người đời, thấy còn sai lầm nhiều hơn. Chẳng những thấy sai lầm mà còn muốn đánh lừa người khác sai lầm thêm nữa. Người ta không bao giờ dám nhìn nhận lẽ thật, mà không thấy lẽ thật là gốc vô minh. Do thấy sai lầm thành ra mê chấp, chấp ngã. Nếu thấy đúng đắn thì đâu có chấp, không chấp tức là tỉnh giác.

Đến cái nhìn của kinh Viên Giác, trong kinh Phật giải thích tất cả chúng sanh bị luân hồi sanh tử gốc từ vô minh. Trong kinh Viên Giác, Phật định nghĩa: Vô minh nghĩa là chấp thân tứ đại giả hợp là thân mình thật, chấp tâm suy tính lăng xăng (tức là tâm duyên theo bóng dáng sáu trần) là tâm mình thật, đó là vô minh. Nếu chúng ta hiểu được kinh, chúng ta thấy việc tu không khó. Vì chúng ta không ứng dụng được kinh nên chúng ta tu cứ tuột lên, tuột xuống hoài.

Với tinh thần Đại thừa, Phật giáo nói thân này là hư dối. Như kinh Kim Cang nói tất cả các pháp đều là hư ảo, không có thật, như câu "phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai", hết sức đơn giản. Tất cả những gì có tướng đều là hư dối. Tại sao? Vì nó do duyên hợp, mà hợp thì phải tan, chỉ tan muộn hay sớm thôi. Pháp gì sớm muộn cũng tan thì pháp đó có thật không? Phật bảo không thật.

Nếu thấy các tướng không phải là tướng, nghĩa là thấy các tướng nhưng không chấp nó là thật thì đó là thấy Phật. Để làm sao! Như vậy Phật đâu có xa. Thấy các tướng biết nó không thật là đã giác, đã

minh rồi. Minh thì tự nhiên dễ thấy Phật, dễ gần với Phật. Tuy nhiên thấy được như vậy chưa hẳn là sống được như vậy.

Giả sử bây giờ có ai hỏi chư Tăng chúng ta: "Thưa Thầy, thân này thật hay giả?" Quý Thầy trả lời sao? Nhất định là giả, nói nghe hay lắm, nhưng nếu có ai chạm đến thân mình một chút, lúc đó mới biết thật hay giả? Chúng ta nói theo lời Phật dạy nhưng chúng ta chưa sống được đúng như lời Phật dạy, nghĩa là nói được mà làm chưa được.

Nói thân này giả, quý vị xét kỹ giả như thế nào? Đa số đều cho rằng vì do nhân duyên, đủ duyên thì hợp, thiếu duyên thì tan nên nói là giả. Tôi xin nói một cách cụ thể hơn nữa để quý vị nhận được thân này giả trăm phần.

Tất cả chư Tăng, Ni đang ngồi đây, lỗ mũi mình đang làm gì? Ai cũng bảo lỗ mũi mình đang thở. Tôi đặt câu hỏi lại, thở nghĩa là gì? Là mượn không khí ở ngoài đem vào. Mượn vô, trả ra, mượn vô, trả ra. Nói ngồi chơi nhưng thật không phải ngồi chơi, lúc nào cũng mượn, trả.

Trong kinh Phật dạy, thân chúng ta có nội tứ đại là đất, nước, gió, lửa ở trong nhưng phải nhờ ngoại tứ đại hỗ trợ thì nội tứ đại mới còn. Nếu ngoại tứ đại không phụ trợ thì nội tứ đại tan nát. Như vậy hiện giờ lỗ mũi của chúng ta mượn không khí, hít vô là mượn, thở ra là trả. Cứ mượn trả liên tục. Lúc nào đó chúng ta trả mà không mượn nữa thì sao? Thì đi rồi phải không? Như vậy mượn trả đều đặn là sống, trả mà không mượn là chết.

Chúng ta mượn ít tách nước uống, mượn rồi cũng trả, mượn cơm cũng thế. Như vậy mượn nước, mượn đất, mượn gió, mượn lửa đem vào rồi trả ra. Thế thì giá trị cuộc sống của chúng ta ở chỗ nào? Nếu nó thật thì không cần mượn trả. Đã vay mượn thì không thật.

Người đời đi tìm hạnh phúc nơi này nơi kia, nhưng tôi nói hạnh phúc đơn giản lắm, chỉ mượn trả êm xuôi thì hạnh phúc, mượn trả trực trặc là mất hạnh phúc. Như vậy chúng ta có thể kết thúc lại, thân này là hư giả, sống bằng vay mượn, có thật đâu. Đó là nói về thân.

Về tâm, chúng ta luôn luôn suy gẫm, tính toán một việc gì thì nói tôi tính, tâm tôi nghĩ như vậy. Cho cái suy tính đó là mình, là tôi. Tôi suy tính, tôi nghĩ ngợi, tôi phân biệt. Quý vị thử xét, nếu suy tính đó là tôi, khi một hai phút nào ngồi chơi, không suy tính, lúc đó cái tôi không còn sao? Cái tôi vẫn còn, làm sao nói suy nghĩ là tôi được. Nếu cái suy nghĩ là tôi thật thì lúc nào cũng có. Nhưng quý vị tự soi lại tìm xem cái suy nghĩ đó ở đâu, có thấy nó không hay càng nhìn thì càng mất. Bình thường nó dấy lên nhưng

soi lại tìm thì nó mất, vậy có phải thật không? Đầu phải thật.

Quý vị thử nghĩ xem, từ thuở bé cho tới lớn, mình là một hay mình là nhiều? Nếu suy nghĩ là mình thì suy nghĩ trăm thứ xấu tốt v. v... chẳng lẽ mình có một trăm cái tôi hay sao? Đó là những sai lầm mà chúng ta không biết, cứ tưởng thật. Nếu chúng ta biết rõ thân này là vay mượn, tạm bợ, chúng ta sẽ sống nhẹ nhàng, thanh thoi, tự tại.

Biết tâm lăng xăng, tưởng tượng là hư ảo giả dối thì chúng ta không còn cố chấp để tranh hơn, tranh thua với người. Cho nên chấp thân tứ đại giả hợp cho là thân mình thật, đó là si mê, là vô minh. Chấp thân đuổi theo bóng dáng sáu trần là mình thật, đó là vô minh. Như vậy nếu chúng ta biết rõ, chúng ta không chấp nữa thì vô minh thành minh. Minh tức là giác, vô minh là mê. Cái mê cái giác đó thay đổi như trở bàn tay. Mê giác giống như sáng và tối vậy, đổi qua đổi lại hết sức dễ dàng.

Vậy muốn giác ngộ dễ hay khó? Chúng ta thường có quan niệm, giác ngộ là phóng hào quang sáng cả bầu trời, chớ không ngờ giác ngộ là thấy được lẽ thật. Thật nơi người, thật nơi mình, thấy đúng như vậy là giác ngộ.

Thiền tông cốt chỉ cho chúng ta thân này là giả dối tạm bợ, tâm vọng tưởng phân biệt suy gẫm là bóng dáng không thật. Không chấp hai thứ đó mà tìm cho ra cái thật của chính mình, đó là người tu Thiền. Nên tu Thiền là phản quan tự kỷ, là soi sáng lại chính mình tìm cho ra cái chân thật.

Vì lâu nay chúng ta cứ chấp giả là thật nên quên mất cái thật. Chúng ta biết rõ cái giả không chấp nữa thì sẽ đào xới được cái thật ngay trong đó, chớ không đâu xa hết, nên nói phải quay lại. Tôi dẫn câu chuyện tổ Huệ Khả, Ngài là Tổ thứ hai nhưng là vị Tổ Trung Hoa đầu tiên ngộ lý Thiền.

Khi được tổ Đạt Ma nhận làm đồ đệ, Ngài thưa:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.

Tổ Đạt Ma bảo:

- Ông đem tâm ra đây ta an cho.

Nghe nói vậy Ngài sững người, xoay lại tìm một chỗ nhưng không thấy, Ngài mới thưa:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Câu nói này ngày xưa tôi đọc chừng một trăm lần nhưng vẫn không hiểu gì hết. Sao mà kỳ lạ, an lúc nào? Tâm đâu có hình tướng mà đem ra, nên lúc đó tổ Huệ Khả mới nhìn lại tâm lăng xăng của mình.

Đây gọi là phản quan. Nhưng khi nhìn lại thì nó mất, mất tức là không thật. Nên Tổ nói "Ta đã an tâm cho ngươi rồi". Đó là pháp an tâm mà không có pháp. Chỉ phản quan tìm lại nó thì nó mất, mất là an chớ có gì đâu.

Thí dụ chúng ta tu Tịnh độ, dùng câu niệm Phật để an tâm. Niệm từng câu, từng câu cho quên các niệm khác gọi là an. Quên tất cả các thứ tạp nhạp nhưng còn câu niệm Phật, kể phải bỏ luôn câu niệm Phật nữa mới được. Còn tu theo Tổ, cứ nhìn thẳng vô trong xem tâm bắt an ở đâu, tìm lại không ra thì tự nó an rồi.

Nên đường lối tu Thiền của Thiền tông là phản quan tự kỷ, soi sáng lại chính mình chớ không có tìm kiếm ở đâu xa, đó là lẽ thật. An rồi, tuy không còn nghĩ suy mà vẫn biết. Quý vị nhớ lại những phút giây ngồi không nghĩ suy, chúng ta có biết hay không? Chúng ta quen cho rằng có suy nghĩ mới biết, nhưng thật tình không phải vậy.

Trong kinh Lăng Nghiêm Phật chia ra hai thứ tâm: vọng tâm và chơn tâm. Vọng tâm là tâm suy nghĩ lăng xăng, hư dối nên gọi là vọng. Chơn tâm là cái biết hằng hữu, không vắng mặt lúc nào hết, sẵn có nơi mình. Khi quý vị nhìn một sự vật không suy nghĩ gì hết, quý vị có biết sự vật đó không? Khi nghe tiếng không suy nghĩ gì hết, chúng ta có biết tiếng đó không? Tiếng người biết tiếng người, tiếng chuông trống biết tiếng chuông trống. Như vậy là biết. Cái biết đó có vắng lúc nào đâu.

Nơi chúng ta cái thấy, cái nghe thường hằng hữu, không thiếu vắng lúc nào cả. Nhưng vì chúng ta quên, chạy theo cái lăng xăng sanh diệt cho đó là mình. Bây giờ lặng được những thứ lăng xăng suy nghĩ thì cái chân thật hiện tiền, khỏi phải tìm kiếm đâu xa. Do đó Thiền hết sức là gần.

Khi Lục tổ ngộ đạo rồi, Ngũ tổ tiễn Ngài đi về phía Nam. Qua sông, Ngài lên bộ, có một đoàn người đuổi theo giành lại y bát. Trong số đó có ngài Huệ Minh đi trước, ngày xưa ông là tướng đi tu nên cỡi ngựa giỏi, vì vậy rượt theo kịp. Lục Tổ để y bát trên tảng đá rồi trốn vào lùm cỏ nói: "Y bát là biểu tín, há có thể dùng sức mạnh mà tranh giành được sao?" (Biểu tín là để người thấy và tin vị ấy đã được Tổ ấn chứng ngộ đạo).

Huệ Minh thấy y bát mừng quá, nhắc lên nhưng nhắc không nổi liền biết vật này có gì siêu việt, phi thường nên không giành giật nữa. Khi tâm giành giật hết, Ngài liền gọi: Hành giả! Hành giả!

Ngài Huệ Năng ở trong bụi cây bước ra. Huệ Minh nói:

- Tôi đến đây vì pháp chớ không vì y bát.

Tổ bảo:

- Nếu ông vì pháp chớ không vì y bát thì tôi sẽ nói pháp cho nghe, nhưng trước hết ông phải lặng tâm, đừng nghĩ tưởng gì, tôi sẽ nói.

Huệ Minh lặng lẽ. Tổ nói:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác thì cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?

Nghe câu đó Huệ Minh liền ngộ.

Chúng ta nghĩ thiện, nghĩ ác, nghĩ phải, nghĩ quấy, những cái nghĩ đó làm mất bản lai diện mục của mình. Nếu đừng nó lại thì bản lai diện mục hiện tiền. Hết sức là đơn giản. Đó là ý nghĩa thâm trầm trong nhà Thiền. Như vậy tu Thiền là quay lại, phẳng tìm cái chân thật của chính mình, chớ không phải cái gì xa lạ ở bên ngoài.

Cho nên gần đây chúng ta thấy người Tây phương có khuynh hướng tìm hiểu đạo Phật, nhất là tìm hiểu về Thiền. Năm 1964 tôi được qua Nhật Bản, cùng một chuyến tàu với tôi có vài người Tây phương qua Nhật Bản học Thiền. Chẳng những Nhật Bản mà Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, người ta cũng tìm học khá nhiều. Bấy giờ tôi mặc cảm, buồn, tại sao Thiền ở Việt Nam, nói riêng là Thiền tông, đã có trước Nhật Bản năm trăm năm và kéo dài mãi đến thế kỷ thứ XIX nhưng người ta lại không tìm học, mà họ qua Nhật Bản, Đài Loan, Mianma, Xri Lanca, Thái Lan tìm học. Đó là điều chúng ta đáng buồn.

Chỗ người ta hướng về là tu Thiền, vì đó là đường lối tu rất thực tế. Có thể nói Thiền là một môn khoa học tâm linh chớ không phải chuyện xa xôi, chúng ta tu Thiền là xoay lại bên trong. Kinh A-hàm dạy, khi tọa thiền nếu còn tham sân si, biết còn tham sân si. Nếu hết tham sân si biết hết tham sân si. Như vậy biết rõ nơi mình còn điều gì xấu, điều gì tốt. Biết rõ đó là Thiền. Tu Thiền theo Thiền tông là quay lại mình để nhận chân rằng nơi mình có cái chân thật, gọi là bản lai diện mục, là Phật tánh v. v... nó sẵn nơi mình nhưng mình bỏ quên. Bây giờ xoay lại tìm cho ra nó. Đó là việc thực tế nơi mình chớ không phải ở đâu hết.

Nhưng muốn biết cái thật thì trước phải hiểu cái giả, nếu chấp giả làm thật thì muôn đời không biết cái thật. Nên nói đến tu Thiền phải thấy thân như điện ảnh. Nếu chấp thân này thật, tâm suy nghĩ thật thì không bao giờ chúng ta thấy được cái thật. Vì nhận giả làm thật thì làm sao biết được cái thật ngay con người giả của chúng ta.

Như kinh Lăng Nghiêm nói chân tâm và vọng tâm. Chúng ta đang đuổi theo sống với vọng tâm thì chúng ta không thấy được chân tâm. Chúng ta

quay lại tự nhận, tự thấy nơi mình, cái gì thật, cái gì giả, đừng theo cái giả thì sống với cái thật. Cho nên tôi nói đừng theo vọng tưởng, đó là mình đừng để cái giả lừa, biết giả rồi thì cái thật mới hiển lộ, đó là tinh thần tu Thiền.

Thiền thích hợp với khoa học hiện đại, vì nó rất cụ thể, không ai cho là mê tín hay tưởng tượng được. Trong Phật giáo chúng ta có rất nhiều pháp môn, song pháp môn nào thích hợp với hoàn cảnh hiện tại thì chúng ta chú tâm khai thác, tìm hiểu và truyền bá.

Mai sau con cháu của chúng ta sẽ học hành giỏi hơn chúng ta nhiều, hiểu biết khoa học hơn. Mà đã có kiến thức khoa học rồi nếu cha mẹ bảo cúng đi con, lạy đi con có phước, chúng sẽ không tin. Nếu thế hệ sau không tin, Phật giáo lúc đó sẽ ra sao? Vì vậy chúng ta là người lo xa, nhìn đến tương lai, chúng ta phải cố gắng gầy dựng đạo đức thích hợp với hoàn cảnh hiện tại và tương lai. Có thể Phật giáo mới trường tồn.

Giới Tăng Ni muốn mai kia làm Phật sự được vuông tròn, được tốt đẹp cần phải có cái nhìn sáng suốt ấy. Nếu chúng ta cứ hài lòng với hiện tại, thấy Phật tử đi chùa nhiều, cúng lạy nhiều, chúng ta thỏa mãn. Như thế thì mai kia con cháu chúng ta mất lòng tin, chừng đó Phật giáo sẽ suy đồi. Chúng ta phải làm sao cho Phật giáo phát triển với thời đại khoa học, chớ không phải phát triển với thời xa xưa.

Vì vậy lúc nào tôi cũng cố gắng nỗ lực hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử cũng như những ai mộ đạo, đều thấy đạo Phật đúng như thật, đạo Phật là chân lý, chớ không phải đạo Phật là tưởng tượng. Như vậy mới hy vọng đạo Phật tồn tại lâu dài hơn và người ở các nước Tây phương sẽ tới Việt Nam nghiên cứu những gì hay đẹp của Tổ tiên mình, nhất là Phật giáo đời Lý Trần, cả thế giới đều quý kính. Chúng ta có của quý mà không khai thác, để người Tây phương coi thường, khinh khi mình. Bây giờ chúng ta chịu khó khai thác, người ngoài sẽ quý sẽ kính.

Tôi mong rằng tất cả quý vị Tăng Ni trẻ còn học được, còn làm nhiều Phật sự, cố gắng tìm hiểu cho thấu đáo, để mai kia việc Phật sự tốt đẹp hơn. Đời chúng tôi cũng sắp tàn rồi, việc làm không được bao nhiêu, chúng tôi trồng cây nơi tất cả quý vị. Buổi nói chuyện hôm nay mong quý vị suy nghĩ cho kỹ, gẫm lại xem cái gì thật, cái gì đúng, ứng dụng tu làm sao cho Phật pháp được lâu bền.

Đó là chỗ mong mỏi của chúng tôi.